

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

NHỮNG TỪ LÁY ĐỘC ĐÁO TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

NGUYỄN MẠNH HÀ

HỒ THỊ HẠNH

(Đại học Vinh)

1. Hàn Mặc Tử được đánh giá là một trong ba đỉnh cao của thơ Mới (1932 - 1945) bởi sự độc đáo trong thơ ca. Sự độc đáo ấy thể hiện trong tư duy thơ và do đó thể hiện trong sự mã hoá bằng kí hiệu, văn bản (tức câu thơ, bài thơ). Ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử điển hình cho định nghĩa “thơ ca là sự tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản” trên nhiều phương diện, góc độ. Ở bài

viết này, xin đề cập đến một phương diện ít người quan tâm trong thơ ông đó là từ láy.

2. Qua khảo sát 77 bài thơ trong tuyển tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, có thể thấy từ láy trong thơ Hàn Mặc Tử đều là từ láy đôi. Dưới đây là kết quả cụ thể thu được:

Các từ loại từ láy	Số lượng	Tỉ lệ %	Lượt dùng	Hệ số sử dụng	Ví dụ
Hoàn toàn	37	11.3	52	1.4	Rào rào, len len
Bộ phận	290	88.7	424	1.5	Chối với, tơ tưởng
Tổng	327	100	476		

(Trong từ láy bộ phận, từ láy phụ âm đầu có 215 từ với 322 lượt dùng, từ láy vần có 75 từ với 102 lượt dùng)

Như vậy trước hết cần khẳng định, từ láy trong thơ Hàn Mặc Tử có số lượng khá nhiều. Hàn Mặc Tử sử dụng từ láy nhiều, nhưng điểm độc đáo lại không nằm ở đó (vì trong thơ ca tiếng Việt có rất nhiều nhà thơ khi làm nên tác phẩm của mình đã sử dụng từ láy dày đặc) mà ở những sự vận dụng linh hoạt. Cụ thể những điểm sau:

Thứ nhất: Sử dụng từ láy mới (hoặc từ láy ít sử dụng) và từ láy chuyển đổi vị trí.

Trong 327 từ láy Hàn Mặc Tử sử dụng có rất nhiều từ láy mới hoặc từ láy ít sử dụng như: *thẹn thuồng, sượng sùng, điêu điêu, thẹn thò, lỏn lỏn, điêu động*

*Đêm nay ta lại phát điên cuồng
Quên cả hổ người, cả thẹn thuồng.*

(Tĩnh thu)

*Anh nhìn trăng lỏn lỏn đậu ngành cao
Phải giờ này đang lúc em chiêm bao
Chính giờ này anh đang yêu em thiệt
Hãy nhập hồn em trong bóng nguyệt.*

(Hãy nhập hồn em)

*Đường cầu xin ọc ra thơ đường sữa
Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau
Trên chín tầng, điêu động cả trần châu
Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết.*

(Đêm xuân cầu nguyện)

Bên cạnh đó, trong thơ Hàn Mặc Tử cũng xuất hiện một số từ láy chuyển đổi vị trí, như: *nhơ nhỡn, mai mĩa, hồ hững, lảng*

lai Điều này không phải chỉ Hàn Mặc Tử làm được, tuy nhiên cũng phải ghi công cho sự cố gắng của nhà thơ này. Chẳng hạn:

*Tôi thường muốn thấy người tôi yêu
Nhớ nhồn đôi thông lúc xế chiều
Để ngực phập phồng cho gió giỡn
Đưa tay hứng lấy tình thanh cao*
(Tôi không muốn gặp)

*Ở chốn xa xôi em có hay
Nắng mưa đã trải biết bao ngày
Nụ cười ý vị như mai mĩ
Mĩa cái nhân tình lúc đổi thay.*

Thứ hai: Sử dụng từ láy theo trường ngữ nghĩa từ vựng trong mỗi bài thơ

Trường là tập hợp những từ đồng nhất với nhau ít nhất ở một điểm về nghĩa hoặc nằm trong mối quan hệ ngữ nghĩa nhất định.

Trong mỗi bài thơ, Hàn Mặc Tử thường sử dụng từ láy theo một trường ngữ nghĩa từ vựng. Điều này thể hiện trong nhiều tập thơ, ở đây chúng tôi xin dẫn chứng bằng hai tập có vai trò quan trọng trong sự nghiệp thơ ca Hàn Mặc Tử: *Gái quê* và *Đau thương*.

Gái quê là tập thơ khẳng định thiên tài thơ ca Hàn Mặc Tử khi ông đã bước sang địa hạt thơ Mới (ban đầu Hàn Mặc Tử sáng tác thơ Đường). Lời thơ duyên dáng, cảnh quê, tình quê gắn với những không gian và sự vật quen thuộc như: nắng mới, tre già, vườn cau, vạt dưa với một tình yêu nhẹ nhàng, trong sáng. Đây có lẽ là tập thơ trong trẻo nhất của Hàn Mặc Tử, dù có nỗi buồn nhưng là nỗi buồn rất nhẹ nhàng, đôi khi vô cớ. Tập thơ là tiếng yêu đầu tiên của chàng thi sĩ họ Hàn, cho nên những từ láy được sử dụng ở đây dường như đã thấm tẩm được cái hồn của tập thơ. Các từ láy này một khi đứng bên cạnh

nhau thì lập tức làm cho người ta nhớ đến những cụm từ khác, nghĩa là chúng đã *thu phát xạ của nhau để tạo ra một trường ngữ nghĩa* mới.

Trong bài thơ *Uống trắng*, Hàn Mặc Tử dùng những từ láy thể hiện, gợi tả cảm giác ái ân nhẹ nhàng: *ngả nghiêng, lả lơi, rung rinh*

*Bóng hắt trong chén ngả nghiêng
Lả lơi tấm mát làm duyên gợi tình
Gió lùa mặt nước rung rinh
Lòng ta khát miếng chung tình từ lâu*
(Uống trắng)

Trong bài *Tôi không muốn gặp* nhà thơ lại sử dụng rất nhiều những từ láy miêu tả hành động, trạng thái một thiếu nữ bước vào yêu e ấp mà vẫn hấp dẫn: *nhồn nhơ, phập phồng, nồn nà, ngượng nghịu, len len*

*Tôi thường muốn thấy người tôi yêu
Nhớ nhồn đôi thông lúc xế chiều
Để ngực phập phồng cho gió giỡn*

Bước đi ngượng nghịu trên đường cái

Len len đưa tay vốc nước rửa

Hay để gợi tâm trạng và không gian buồn, cái buồn vô cớ trong buổi chiều quê, Hàn Mặc Tử sử dụng các từ: *thơ thẩn, man mác, hờ hững, bàng bạc*:

*Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhận về
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê*

(Tình quê)

Đau thương là tập thơ Hàn Mặc Tử làm trên giường bệnh, với nỗi đau đớn, dày vò về thể xác lẫn tâm hồn, hi vọng và thất vọng, là tập thơ tiêu biểu nhất trong gia tài thi ca của thi sĩ. Hoài Thanh viết: “Thất vọng trong tình yêu, chuyện ấy trong thơ ta không thiếu gì, nhưng thường

là một thứ buồn rầu có thấm thía vẫn dịu dịu. Chỉ có trong thơ Hàn Mặc Tử mới có nỗi đau thương mãnh liệt đến như thế. Lời thơ như dính máu⁽²⁾. Vì thế những từ láy được tác giả sử dụng trong tập thơ này cũng rất khác tập *Gái quê*, đó là những từ diễn tả nỗi đau, nỗi buồn đến tột bậc. Trong bài *Muôn năm sầu thảm*, Hàn Mặc Tử dùng những từ láy gợi cảm giác đau đớn, buồn bã đến cực điểm, như: *rầu rầu, bời bời, bãi hoải*:

*Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan
Nhớ lắm lúc như si như dại
Nhớ làm sao bãi hoải tay chân*

Trong bài *Hồn là ai*, Hàn Mặc Tử đã sử dụng rất nhiều từ nói về hành động (ngả nghiêng, lặn lội), nói về cảm giác (ngấu nghiêng, sượng sần, rùng rợn, thốn thức) để nói lên nỗi đau đớn, quằn quại:

*Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiêng
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên*

Hai chúng tôi lặng yên trong thốn thức

Rồi bay lên cho tôi một hành tinh

Cùng ngả nghiêng lặn lội giữa muôn hình

Để gào thét cho một hơi rồn ốc

Cả thiên đường, trần gian và địa ngục.

Trong bài *Rướm máu*, nhà thơ lại dùng những từ láy biểu hiện cảm giác mạnh, nỗi đau đớn không làm chủ được của con người:

*Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết điếng cả làn da.*

Thứ ba: Kết hợp độc đáo giữa từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng với từ láy chỉ tính chất đặc điểm của sự vật, hiện tượng đó

Thơ Hàn Mặc Tử không đi vào lòng người bằng thứ ngôn ngữ chân quê giản dị như Nguyễn Bính, bác học như Chế Lan

Viên, mới mẻ như Xuân Diệu, mà bằng thứ ngôn ngữ độc đáo của riêng ông, thứ ngôn ngữ như vọt ra từ sự đau đớn, cuồng loạn. Đó là thứ ngôn ngữ không gọt giũa, không chuẩn bị trước theo cách nhìn của những nhà phân tâm học, tức sự “vô thức trong sáng tạo”. Hàn Mặc Tử không có ý định viết để trở thành nhà thơ mà viết là để giải thoát. Quằn quại trong niềm đau thể xác và tâm hồn, Hàn Mặc Tử đã viết nên những bài thơ làm kinh động lòng người, câu chữ ma quái đến kì lạ. Nếu ai đó ví nhà thơ với một nhà luyện quặng thì e rằng sẽ không đúng với Hàn Mặc Tử. Những từ ngữ mà nhà thơ sử dụng, nếu bằng lí trí sẽ không có được, mà vọt ra từ những rung cảm bất ngờ, những dồn nén của tâm trạng. Những từ ngữ ấy chỉ được sinh ra một lần và không thể thay thế. Chúng tôi tin rằng Hàn Mặc Tử sẽ không phải dày công tìm kiếm lời thơ, vì như Xuân Quỳnh đã nói: “Đừng lo đi tìm ngôn ngữ, cảm xúc sẽ tự lựa chọn được ngôn ngữ của mình”. Với Hàn Mặc Tử, làm thơ chính là để “hồn trào ra đầu ngọn bút”, lời thơ là “máu tim anh vọt láng lai”, vì thế ngôn ngữ của Hàn Mặc Tử dùng rất lạ và độc đáo. Có những sự kết hợp nếu đặt ra ngoài ngữ cảnh sẽ là không bình thường, là vô lí. Sự vật trong thiên nhiên qua con mắt Hàn Mặc Tử luôn hiện lên như một con người, một cô gái đang bước vào tuổi yêu, vừa e ấp, kín đáo vừa hấp dẫn, đôi khi như lộ liễu. Vàng trắng là một môtip, một biểu tượng của nhiều thi sĩ Việt Nam. Trắng xuất hiện trong thơ Thiên với một cái gì đó lạnh và tĩnh lặng tuyệt đối, còn vàng trắng trong “thơ Mới” lại có cái gì rạo rức, nồng ấm hơn. Riêng với Hàn Mặc Tử, có thể nói trắng và ánh trắng đã để lại những cảm giác vật chất lên thân xác chàng. Bởi thế, trong khi các nhà thơ lãng

mạn thi vị hoá trắng, Hàn lại trần tục hoá nó:

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió Đông về để lả lơi.*

(Bến lèn)

Ta thấy khi viết về trăng, gió hay mọi vật vô tri khác, Hàn Mặc Tử đều nhìn bằng con mắt của kẻ si tình, thấy tất cả đều động đậy, duyên dáng, khơi gợi như là một thực thể sống, một thiếu nữ đương xuân. Những cách nhìn nhận đó, cách kết hợp từ ngữ đó chỉ xảy ra đồng loạt trong thơ Hàn Mặc Tử.

Khi lắng nghe tiếng ca của người thôn nữ trong *Mùa xuân chín*, ông viết:

*Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi
Hồn hên như lời của nước mây
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc
Nghe ra ý vị và thơ ngây*

Vắt vẻo là từ láy gợi hình ảnh của tư thế sự vật, người ta thường nói: *ngồi vắt vẻo, cái đầu vắt vẻo* nhưng tiếng ca vắt vẻo thì chỉ có Hàn Mặc Tử. Từ *vắt vẻo* đã gợi nên hình ảnh người con gái tình nghịch và đầy sức sống.

Tuy là người chịu nhiều đau khổ trong tình yêu nhưng không tuyệt vọng, Hàn Mặc Tử luôn tìm thấy tình yêu và niềm tin cuộc sống. Trái tim yêu của chàng vẫn luôn thổn thức cùng mây nước, con người. Với một tâm hồn nhạy cảm và tinh tế, Hàn Mặc Tử đã tìm thấy những trạng thái cảm xúc ngấm ẩn trong từng sự vật, phả vào đó một cái nhìn tình tứ, âu yếm như những tình nhân:

*Gió nâng khúc hát lên cao vút
Vần thơ uốn éo lách rừng mây
Ta hiểu ta rồi trong một phút
Lời tình chơi với giữa cơn say.*

(Ngủ với trăng)

Ở đây nhà thơ đã phóng chiếu những rạo rực của bản thân ra ngoài vũ trụ. Cái nhìn của thi sĩ ve vuốt, môn trớn với cả tạo

vật. Cảm giác này được nhà thơ thể hiện theo lối ứng xử phương Đông, rất kín đáo và gợi cảm. Nó khác với cách nói hiện đại của các nhà thơ cùng thời như Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương. Những từ như gió mây, lời tình và từ láy *uốn éo, chơi với* khi đứng cạnh nhau thì lập tức làm người ta nhớ đến những cụm từ khác được chuyên dùng để chỉ chuyện tình ái, các từ này đã thu phát xạ của nhau để cho người đọc liên tưởng đến một không gian ái ân, tình tứ, không gian của yêu đương. Sự kết hợp độc đáo này không những tăng tính gợi hình cho sự vật được nói đến mà còn thổi vào sự vật một linh hồn, những “vần thơ”, “lời tình” được cảm nhận như những tình nhân đang sống trong trạng thái ngọt ngào của yêu đương, vừa mơ mộng, bay bổng, vừa đắm đuối, thiết tha.

3. Từ sự phân tích những cách sử dụng từ láy độc đáo trên đây, có thể thấy rằng từ láy trong thơ Hàn Mặc Tử đã đóng góp vai trò to lớn trong thế giới nghệ thuật thơ ông. Cụ thể: chúng góp phần thể hiện tâm trạng, cảm xúc với những cung bậc khác nhau của chủ thể trữ tình; góp phần tạo nên tính nhạc trong thơ; và góp phần khẳng định phong cách thơ Hàn Mặc Tử. Từ đó có thêm căn cứ để lí giải tại sao thơ Hàn Mặc Tử lại chiếm một vị thế đặc biệt trong tư trào “thơ Mới” nói riêng và thơ ca Việt Nam thế kỉ XX nói chung đến như vậy.

Tài liệu tham khảo

1. Vân Long, *Thơ Hàn Mặc Tử*, Nxb VH-TT, HN, 2006.
2. Hoài Thanh-Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb VH, HN, 1998, tr.197.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 08-07-2008)